TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2017/DS – ST
Ngày: 10/7/2017
V/v "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Văn Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Võ Bá Tùng

2. Bà Nguyễn Thị Tố Mỹ

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Vương Thị Thùy Trang– Thư ký Toà án nhân dân thành phố B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Sanh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2017/TLST-DS ngày 02-3-2017 về tranh chấp "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2017/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 06 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2017/QĐST-DS ngày 29/6/2017 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn***:** Ngân hàng A (VP Bank).

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng S Tòa nhà T, số E đường T, phường U, quận M thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hiền T – Chức vụ: Trưởng phòng thu hồi nợ pháp lý kiêm quản lý pháp chế cho phòng an ninh và phòng kiểm soát gian lận, phòng thu hồi nợ pháp lý, trung tâm thu hồi nợ - Khối tín dụng tiêu dùng – Ngân hàng A(Theo văn bản ủy quyền số 16/2016/UQ-CT ngày 10/8/2016 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng A);

Ông Lê Hiền T ủy quyền lại cho ông Dương Thanh T, sinh năm 1987 (có mặt).

HKTT: Tổ 16, ấp Đ, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Địa chỉ liên hệ: Số Y đường L, phường M, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Theo Văn bản ủy quyền số 343/2016/UQ-GĐK-TDTD ngày 25/11/2016 của Trưởng phòng thu hồi nợ pháp lý kiêm quản lý pháp chế cho phòng an ninh và phòng kiểm soát gian lận, phòng thu hồi nợ pháp lý, trung tâm thu hồi nợ - Khối tín dụng tiêu dùng – Ngân hàng A)

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn T, sinh năm 1987(vắng mặt).

Trú tại: Số L đường O, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24-2-2017, quá trình hòa giải tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Ngày 18/01/2015, ông Phạm Văn T có ký hợp đồng với Ngân hàng A vay số tiền 42.000.000 đ, lãi 3.75%/tháng tính theo dư nợ gốc trả giảm dần, để vay tiêu dùng cá nhân, không có thế chấp tài sản, được ngân hàng phê duyệt ngày 06/02/2015.

Theo thỏa thuận hợp đồng, ông T có trách nhiệm thanh toán số tiền 77.218.000đ. Trong đó tiền gốc là 42.000.000đ, tiền lãi là 35.218.000đ, trả chậm trong 36 tháng, theo đó 35 tháng đầu mỗi tháng trả 2.145.000 đồng, tháng cuối trả 2.143.000.đồng, thanh toán vào ngày 06 hằng tháng. Bắt đầu thanh toán từ ngày 06/03/2015.

Thực hiện hợp đồng, ông T đã nhận đủ số tiền đã vay và thanh toán cho Ngân hàng 03 kỳ với tổng số tiền 5.485.000đ, trong đó tiền gốc 2.161.375 đ và lãi 3.323.625đ. Bắt đầu từ 24/01/2016 ông T không đóng bất kỳ khoản nào cho Ngân hàng nữa. Đến nay ông T còn nợ gốc và lãi tổng cộng 71.733.000đ Tuy nhiên vì xét thấy hoàn cảnh ông T khó khăn nên ngân hàng giảm cho ông T 7.903.144đ tiền lãi.

Nay ngân hàng đề nghị Tòa án buộc ông Phạm Văn T phải thanh toán cho Ngân hàng A số tiền còn nợ 63.829.856 đ , trong đó tiền gốc là 39.838.625đ, tiền lãi là 23.991.231đ cùng với tiền lãi chậm thanh toán phát sinh (tính từ ngày xét xử) một lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực phát luật.

Ngân hàng xác định chỉ yêu cầu cá nhân ông Phạm Văn T có trách nhiệm thanh toán nợ ngân hàng, vì ông T vay với mục đích là tiêu dùng cá nhân nên Ngân hàng không yêu cầu vợ ông T cùng có trách nhiệm thanh toán.

Tại bản khai, quá trình hòa giải bị đơn Phạm Văn T trình bày:

Về tất cả quá trình ký kết các hợp đồng tín dụng giữa ông và Ngân hàng A, về số nợ gốc và lãi tồn đọng ông đồng ý với lời trình bày của Ngân hàng. Tuy nhiên hiện nay ông cũng đang rất khó khăn nên ông không có khả năng thanh toán một lần cho Ngân hàng.

Ông đã thanh toán cho ngân hàng được 03 kỳ với tổng số tiền là 5.485.000đ, trong đó tiền gốc 2.161.375 đ và lãi 3.323.625đ. Nay ông yêu cầu ngân hàng giảm toàn bộ tiền lãi 23.991.231 đ cho ông, còn 39.838.625đ tiền nợ gốc ông đề nghị Ngân hàng cho ông thanh toán mỗi tháng 500.000đ cho tới khi hết toàn bộ số nợ.

Ông T xác định số nợ trên ông vay với mục đích tiêu dùng cá nhân, không liên quan đến vợ ông, nên ông sẽ tự chịu trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự có ý kiến như sau:

-Về tố tụng**:** Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện. Việc thu thập chứng cứ đảm bảo theo đúng quy định tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với Hội thẩm nhân dân và Thư ký Tòa án: Đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông T có nghĩa vụ thanh toán số nợ 63.829.856đ (Sáu mươi ba triệu tám trăm hai mươi chín nghìn tám trăm năm mươi sáu đồng), trong đó tiền gốc là 39.838.625đ (Ba mươi chín triệu tám trăm ba mươi tám nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng), tiền lãi là 23.991.231đ (Hai mươi ba triệu chím trăm chín mươi mốt nghìn hai trăm ba mươi mốt đồng)

-Về án phí:Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

-Về thủ tục tố tụng:

Ngân hàng A khởi kiện ông Phạm Văn T về tranh chấp hợp đồng tín dụng không có mục đích lợi nhuận được ký kết giữa các bên, nên Tòa án xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thành phố B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Phạm Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần hai nhưng đều vắng mặt không có lý do chính đáng. Do vậy, Hội đồng xét xử vắng mặt ông T theo Điều 227 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về nội dung:

[1] Lời khai của đại diện Ngân hàng A tại phiên tòa hôm nay về quá trình ký kết và nội dung hợp đồng tín dụng, hoàn toàn phù hợp với chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án gồm: Bản sao đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số hiệu hồ sơ AA0560295 và Phê duyệt của ngân hàng ngày 06/02/2015.

Hội đồng xét xử có căn cứ để kết luận: Ngày 18/01/2015, ông T đã đã ký hợp đồng tín dụng vay của ngân hàng A số tiền gốc là 42.000.000 đ,với lãi suất 3.75%/tháng là có thật. Ông T là người vay tiền và đã nhận đầy đủ số tiền vay, kỳ hạn trả nợ lần đầu ngày 06/3/2015 và kỳ hạn trả nợ cuối cùng là ngày 06/02/2018. Tuy nhiên ông T chỉ mới thanh toán được 03 kỳ (03 tháng). Trong đó có kỳ ngày 23/01/2016 ông T chỉ đóng có 1.000.000đ, kỳ ngày 14/5/2015 ông T đóng thêm 165.000đ. Tổng số tiền đã đóng là 5.485.000đ, trong đó tiền gốc 2.161.375đ và lãi 3.323.625đ, còn lại 33 kỳ (33 tháng) ông T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận là vi phạm hợp đồng. Xét mục đích vay của ông T để tiêu dùng cá nhân bằng hình thức tín chấp, không thế chấp tài sản bảo đảm, khi ký kết hợp đồng

chỉ cá nhân ông T ký, không có vợ ông T tham gia giao dịch, mặt khác Ngân hàng xác định chỉ yêu cầu cá nhân ông T thanh toán nợ và bản thân ông T cũng xác nhận việc ông vay nợ không liên quan đến vợ của ông nên Hội đồng xét xử có căn cứ để xác định đây là nợ cá nhân của ông T

[2]Ông T không nộp được cho Tòa án bất kỳ tài liệu chứng cứ gì, nhưng ông T khai đã đóng gốc và lãi được 03 kỳ với tổng số tiền 5.485.000đ, trong đó tiền gốc 2.161.375đ và lãi 3.323.625đ là hoàn toàn phù hợp với lời khai của nguyên đơn. Như vậy, việc Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu ông T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc là 39.838.625đ còn lại là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]Về tiền lãi:Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số hiệu hồ sơ AA0560295 có thỏa thuận về lãi suất. Tại thời điểm vay, các bên thỏa thuận lãi suất là 3.75%/tháng tức 45/% một năm là vượt quá lãi suất giới hạn theo khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự tức vượt quá 150% của khoản tiền vay.Tuy nhiên do thỏa thuận giữa ông T và Ngân hàng là thỏa thuận về Hợp đồng tín dụng nên phải chịu sự điều chỉnh của Luật tổ chức tín dụng, theo khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng mà không theo quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự. Tại phiên tòa hôm nay phía ngân hàng yêu cầu ông T thanh toán 23.991.231đ tiền lãi, vậy ngân hàng đã giảm cho ông T 7.903.144đ tiền lãi. Tính theo Hợp đồng tín dụng và lời khai của ngân hàng thì hạn thanh toán cuối cùng của Hợp đồng là 06/02/2018. Tuy nhiên Ngân hàng chỉ yêu cầu tiền lãi đến ngày xét xử, không yêu cầu tiền lãi đến ngày 06/02/2018. Xét yêu cầu về tiền lãi này của ngân hàng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về phần lãi chậm trả: tại phiên tòa, Ngân hàng đồng ý cho bị đơn tiếp tục trả lãi trên số tiền nợ gốc còn lại từ ngày xét xử (10/7/2017) cho đến khi trả hết nợ theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

[5]**Về án phí**: Ông T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền nợ phải thanh toán theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 điều 35, Điều 36, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 471, 474,476 Bộ luật dân sự 2005.
- Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015
- Khoản 2 Điều 3, Khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng.
- Điều 5, điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A đối với ông Phạm Văn T.

1.Buộc ông Phạm Văn T phải thanh toán cho của Ngân hàng A tổng số nợ tính đến ngày 10/7/2017 là 63.829.856đ (Sáu mươi ba triệu tám trăm hai mươi chín nghìn tám trăm năm mươi sáu đồng) , trong đó tiền gốc là 39.838.625đ (Ba mươi chín triệu tám trăm ba mươi tám nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng), tiền lãi là 23.991.231đ (Hai mươi ba triệu chín trăm chín mươi mốt nghìn hai trăm ba mươi mốt đồng) và tiếp tục trả lãi trên số tiền nợ gốc còn lại từ ngày 10/7/2017 cho đến khi trả hết nợ, lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.Về án phí: Ông Phạm Văn T phải nộp 3.191.493đ (Ba triệu một trăm chín mươi mốt nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng A số tiền 1.596.000đ (Một triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 003301 ngày 02/03/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7,và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

-Các đương sự;
-TAND tỉnh BR-VT;
-VKSND thành phố B;
-Chi cục THA DS thành phố B;
-Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Văn Thị Hiền